

Số: 49/2023/QĐST-HNGĐ

Hung Hà, ngày 10 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 424/2022/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa:

1. *R đơn*: Anh Phạm Văn E, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Thôn Thọ Mỹ, xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn*: Chị Bùi Thị R, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Thôn Thọ Mỹ, xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Phạm Thị R, sinh năm 1950.

Nơi cư trú: Thôn Trung Thượng, xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

3.2. Ông Phạm Văn D, sinh năm 1954.

Nơi cư trú: Thôn Thọ Mỹ, xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

3.3 Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1959.

Nơi cư trú: Thôn Thanh Lãm, xã Minh D, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

3.4. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Thôn Phú Lạc, xã Minh Tân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

3.5 Bà Phạm Thị G, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Thôn Lễ Thần Gm, xã D An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và D giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và D giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2023 là Dn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và D giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn E và chị Bùi Thị R.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Anh Phạm Văn E và chị Bùi Thị R thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung: Anh Phạm Văn E và chị Bùi Thị R có ba con chung là Phạm Thị Huyền F, sinh năm 1992; Phạm Văn F1, sinh năm 1994; Phạm Thị Hồng F3, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2006. Hiện tại cháu F và cháu F1 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh E và chị R thoả thuận để chị R trực tiếp nuôi dạy con chung Phạm Thị Hồng F3, anh E có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị R là 2.000.000 đồng/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi con F3 tròn 18 tuổi. Anh E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3 Về chia tài sản chung: Anh Phạm Văn E và chị Bùi Thị R thoả thuận anh E được sở hữu, sử dụng những tài sản trên diện tích đất tại thửa số 280, tờ bản đồ số 3, thôn Thọ Mỹ, xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình bao gồm:

+ Ngôi nhà 02 tầng và công trình phụ gắn liền + tường bao quanh khu đất + mái tôn trên mái tầng 2.

+ Ngôi nhà ngang xây tường 10 mái bằng xây năm 2008;

+ Nhà bếp xây tường 10, lợp proxi măng xây năm 2008;

+ Khu chăn nuôi, xây tường 10, lợp proxi măng xây năm 2008;

+ Lán tôn tiếp giáp 02 nhà xây năm 2008;

+ Sân bê tông gạch vỡ, tiếp giáp hai nhà xây năm 2008;

+ Nhà ngang xây tường 10 có lợp tôn xây năm 2018;

+ Sân gạch đỏ gắn liền với nhà 02 tầng + dậu Inox + gạch lát tường bao quanh; lán tôn phía cổng đối diện sân xây năm 2018.

+ Điện thờ và những cây cối, hoa màu trên đất.

Giá trị còn lại của các tài sản trên là 334.142.000 đồng (đã làm tròn). Anh E có trách nhiệm chi trả giá trị chênh lệch về tài sản cho chị R số tiền là 167.071.000 đồng. Anh E đã thanh toán cho chị R đủ số tiền trên.

Diện tích đất tại thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3; địa chỉ thôn Thọ Mỹ, xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình là tài sản của ông Phạm Văn Kha và bà Vũ Thị Thanh. Đây là di sản thừa kế của hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: bà Phạm Thị R, ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị Q, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị G và anh Phạm Văn E và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về chi phí tố tụng: Anh Phạm Văn E tự nguyện chịu cả 6.000.000 đồng

tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản.

2.5. Về án phí: Anh Phạm Văn E tự nguyện nộp cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh E đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005964 ngày 20/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (anh E đã nộp đủ). Anh E tự nguyện nộp cả 8.353.550 đồng (tám triệu ba trăm năm mươi ba ngàn năm trăm năm mươi đồng) làm tròn là 8.353.000 đồng (tám triệu ba trăm năm mươi ba ngàn đồng) tiền án phí chia tài sản. Đối trừ số tiền 6.250.000 đồng anh E đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005986 ngày 04/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Anh E còn phải nộp số tiền là 2.103.000 đồng (hai triệu một trăm linh ba ngàn đồng).

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà;
- Lưu: HS, HCTP.

THẨM PHÁN

Vũ Quốc KhF3